

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 11 - 2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Ba

2. Bà Bùi Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn 1, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Khu 9, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ A, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 8 năm 2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vũ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ A đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh A. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường. Đầu năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do anh A nghi ngờ chị có quan hệ nam nữ không đúng mực với nhiều người đàn ông khác nên anh A có những lời nói xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau to tiếng. Tháng 6 năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân. Anh A bỏ đi miền Nam làm thuê nhưng không nói gì với chị và sau đó cũng không có liên lạc gì với chị. Ngày 13 tháng 10 năm 2019, chị đưa hai con về gia đình bố mẹ đẻ chị ở tại thôn 9, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ đó đến nay, chị và anh A không gọi điện thoại, không liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A;

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đỗ Th, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2013; cháu Đỗ T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2017, hiện đều đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức làm dâu: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Tại bản tự khai ngày 12 tháng 9 năm 2019, bị đơn anh Đỗ A trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống như chị Th trình bày là đúng. Tuy nhiên, đầu tháng 6 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thỉnh thoảng nói nhau. Từ giữa tháng 6 năm 2019, vợ chồng ly thân do anh đi làm thuê ở miền Nam nhưng anh không nói gì với chị Th. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung và hiện đang ở với chị Th như chị Th trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức làm dâu: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Anh A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên việc xét xử của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về tình cảm: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị Th với anh Đỗ A; về

con chung: Chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Th và cháu Đỗ T. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh A không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 11 tháng 11 năm 2019, anh Đỗ A vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự hoãn phiên tòa và thông báo cho bị đơn biết. Tuy nhiên, do anh A không có mặt tại địa phương, gia đình anh không có ai ở nhà để nhận hộ văn bản tố tụng nên Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh A vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Th và anh A xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị Th, anh A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình thu thập chứng cứ cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh A do các bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi nhau và các bên đã có những lời nói không đúng mực với nhau. Từ giữa tháng 6 năm 2019, anh A đã rời khỏi địa phương để đi làm thuê không nói gì với chị Th và vợ chồng ly thân từ đó. Sau đó, do có giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đối với anh A nên ngày 12 tháng 9 năm 2019, anh A đã đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc để làm việc. Anh A xác định tình cảm vẫn còn và đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng dàn xếp đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của bố mẹ anh A là ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị S. Ông T và bà S khẳng định, ngày 12 tháng 9 năm 2019, khi anh A về gia đình, chị Th và anh A không nói gì với nhau, anh A không nói gì hay dàn xếp gì với chị Th. Sau đó, khoảng 3-4 ngày thì anh A rời khỏi địa phương xã H. Khả năng để chị Th, anh A đoàn tụ là khó. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh A cho rằng tình cảm của anh đối với chị Th vẫn còn, đề nghị Tòa án giải

quyết để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên kể từ sau ngày 12 tháng 9 năm 2019, anh A không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn, dàn xếp tình cảm với chị Th. Từ khi chị Th đưa hai con về gia đình bố mẹ để chị ở, anh A cũng không gọi điện thoại, không liên lạc với chị Th. Như vậy có thể thấy việc anh A xin đoàn tụ là không thực tâm. Mặt khác, khi Tòa án triệu tập tham dự các buổi hòa giải anh A đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng anh A tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Nay chị Th kiên quyết xin ly hôn, anh A thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị Th và anh A không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị Th, anh A có 02 con chung là cháu Đỗ Th, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2013; cháu Đỗ T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2017, đều đang ở với chị Th. Khi ly hôn, chị Th và anh A đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Th, anh A về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét bảo đảm các điều kiện sinh hoạt, việc chăm sóc giáo dục con chung để không ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của 02 cháu. Chị Th đang làm công nhân Công ty TNHH PARTRON VINA ở thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, mức lương trung bình khoảng 8.000.000đồng/tháng (thể hiện qua các phiếu xác nhận lương). Chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung từ khi vợ chồng ly thân. Còn anh A trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh đều đi làm thuê xa nhà, không có mặt tại địa phương, đã hơn hai tháng nay không về nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th để giao cả hai con cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Th không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Chị Th, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về công nợ: Chị Th, anh A đều xác nhận vợ chồng không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

[6]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[7]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Vũ Thị Th được ly hôn với anh Đỗ A.
2. Về con chung:
 - 2.1. Chị Vũ Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Th, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2013 và cháu Đỗ T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2017.
Anh Đỗ A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
 - 2.2. Anh Đỗ A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0005638 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã H, huyện Yên Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo